THIẾT KẾ HỌC LIỆU ĐỌC HIỂU TIẾNG ANH THEO ĐỊNH HƯỚNG NGHỀ NGHIỆP CHO SINH VIÊN KHỐI NGÀNH KĨ THUẬT TẠI TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG NGHIỆP HÀ NỘI TỪ GÓC NHÌN CỦA NGÔN NGỮ HỌC CHỨC NĂNG HỆ THỐNG[1]

LÊ THI LAN ANH[2]
LÊ THỊ HƯƠNG THẢO[3]

Abstract: Teaching English to technical majored students at Hanoi University of Industry has specific characteristics: it involves teaching English for occupational purposes and utilizing blended learning methods. Accordingly, reading comprehension activities are designed for an online platform, helping students both develop their English reading comprehension skills and equip them with useful, up-to-date information about their future professions. Therefore, the design of reading materials needs to adhere closely to the objectives and outcomes of the course, ensuring the development of learners' reading comprehension abilities while being suitable for online learning. This is a challenge. As a linguistic theory that studies language in context, Systemic Functional Linguistics can help us address this issue. Within the scope of this article, we will focus on three basic contents: 1. Reviewing Systemic Functional Linguistics theory; 2. Positioning reading comprehension materials in the Systemic Functional Linguistics model; 3. Determining some basic requirements for designing English reading comprehension materials with career orientation at Hanoi University of Industry from the perspective of Systemic Functional Linguistics.

Keywords: *Systemic functional linguistics; context; reading comprehension materials; English for occupatinal purpose; blended learning*

1. Đặt vấn đề

Ngôn ngữ học chức năng hệ thống (Systemic functional linguistics - SFL) là một lí thuyết nghiên cứu ngôn ngữ học gắn với ngữ cảnh. Nhờ tính ứng dụng cao, lí thuyết ngôn ngữ học hiện đại này được vận dụng để giải quyết rất nhiều vấn đề trong nghiên cứu và giáo dục ngôn ngữ nhà trường, trong đó có vấn đề thiết kế học liệu đọc hiểu để dạy học ngoại ngữ. Trên thực tế, việc dạy học tiếng Anh cho sinh viên khối ngành kĩ thuật tại Trường Đại học Công nghiệp Hà Nội (ĐHCNHN) có những nét đặc thù: dạy học tiếng Anh theo định hướng nghề nghiệp và theo hình thức dạy học kết hợp. Theo đó, hoạt động dạy học đọc hiểu sẽ được thiết kế dưới dạng trực tuyến, vừa giúp sinh viên phát triển kĩ năng đọc hiểu tiếng Anh vừa trang bị cho sinh viên những thông tin hữu ích, cập nhật về ngành nghề trong tương lai. Vì vậy, việc thiết kế học liệu đọc cần phải bám sát mục tiêu, chuẩn đầu ra của học phần, đảm bảo phát triển được năng lực đọc hiểu của người học đồng thời phải phù hợp với hình thức học trực tuyến. Là một lí thuyết ngôn ngữ học nghiên cứu ngôn ngữ gắn với ngữ cảnh, SFL có thể giúp chúng ta giải quyết được vấn đề này.

Kết quả khảo sát cho thấy chương trình dạy học tiếng Anh thiết kế cho sinh viên khối ngành kĩ thuật tại ĐHCNHN gồm: 04 học phần tiếng Anh cơ bản có định hướng nghề nghiệp ở năm thứ nhất, thứ hai và 02 học phần tiếng Anh có định hướng nghề nghiệp chuyên sâu ở năm thứ ba. Trong khuôn khổ của bài viết, chúng tôi chỉ xin đưa ra những yêu cầu đối với việc thiết kế học liệu đọc hiểu tiếng Anh cho sinh viên khối ngành này ở 02 học phần tiếng Anh có định hướng nghề nghiệp chuyên sâu ở năm thứ ba.

---

[1] Bài viết là sản phẩm thuộc Đề tài cấp Trường: *Ứng dụng lí thuyết Ngôn ngữ học chức năng hệ thống vào thiết kế ngữ liệu đọc hiểu tiếng Anh cho sinh viên khối ngành kĩ thuật tại Trường Đại học Công nghiệp Hà Nội*

[2] PGS.TS., Trường Ngoại ngữ - Du lịch, Trường Đại học Công nghiệp Hà Nội

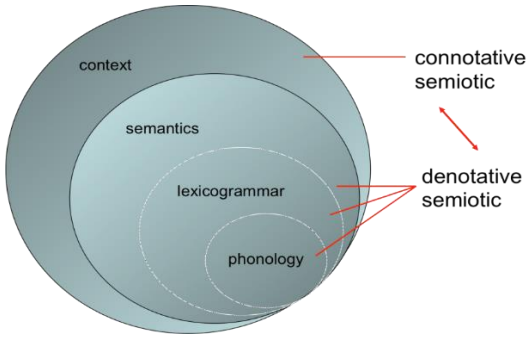
[3] ThS., Trường Ngoại ngữ - Du lịch, Trường Đại học Công nghiệp Hà Nội

2. Nội dung

2.1. Khái quát về lí thuyết Ngôn ngữ học chức năng hệ thống

2.1.1. Các tầng ngôn ngữ trong mô hình Ngôn ngữ học chức năng hệ thống

SFL do Halliday đặt nền móng có ảnh hưởng ngày càng sâu rộng trong nghiên cứu ngôn ngữ. Theo Halliday, ngôn ngữ là một hệ thống tạo nghĩa và ngữ cảnh (context) mà ngôn ngữ được sử dụng có vai trò quyết định đến sự lựa chọn ngôn ngữ chứ ngôn ngữ không đơn thuần chỉ là một hệ thống quy tắc. Trên cơ sở đó, Halliday đã đề xuất mô hình ngôn ngữ trong ngữ cảnh gồm 4 tầng, theo chiều từ trên xuống, gồm: 1. *context (ngữ cảnh);* 2. *semantics (ngữ nghĩa);* 3. *lexicogrammar (từ vựng - ngữ pháp);* 4. *phonology (âm vị học)*. (Hình 1).



Hình 1. Mô hình ngôn ngữ trong ngữ cảnh của Ngôn ngữ học chức năng hệ thống (Dẫn theo [19])

Trong mô hình ngôn ngữ này, ngữ cảnh được coi như bộ phận cấu thành, chi phối tác động tới các tầng ngôn ngữ còn lại (ngữ nghĩa học, ngữ pháp - từ vựng, âm vị học). Đây chính là điểm khác biệt cơ bản của mô hình ngôn ngữ học chức năng so với mô hình ngôn ngữ học cấu trúc trước đây, vốn coi ngôn ngữ chỉ có giá trị trong chính hệ thống nội tại của chúng. Ngữ cảnh được chia thành ngữ cảnh văn hoá và ngữ cảnh tình huống. Ngữ cảnh văn hoá chính là mục đích xã hội của giao tiếp ngôn ngữ. Còn ngữ cảnh tình huống sẽ cụ thể hoá ngữ cảnh văn hoá. Ngữ cảnh tình huống, đến lượt mình, được đặc trưng bởi 3 thành tố: trường (field), không khí (tenor) và cách thức (mode). *Trường* (field) là vấn đề hay đề tài/ chủ đề của diễn ngôn/ văn bản (cái gì đang xảy ra, với ai, ở đâu, khi nào…). *Không khí* (tenor) quan tâm đến người tham gia giao tiếp ở 03 phương diện: khoảng cách xã hội (social distance); vị thế xã hội tương đối (relative social status), sự thể hiện cá nhân của người nói hay người viết (speaker/ writer persona). *Cách thức* (mode) bao gồm các vấn đề về kênh giao tiếp (giao tiếp bằng ngôn ngữ tự nhiên hay bằng những yếu tố phi ngôn ngữ, giao tiếp bằng ngôn ngữ nói hay ngôn ngữ viết), môi trường giao tiếp (giao tiếp ở nhà hay nơi công cộng…),… Trường, không khí và cách thức cùng với mục đích xã hội sẽ chi phối việc sử dụng các phương tiện ngôn ngữ trong một diễn ngôn. Các phương tiện ngôn ngữ như từ, cụm từ, câu theo cách tiếp cận của SFL sẽ được lựa chọn sử dụng trong diễn ngôn thế nào để đạt được mục đích xã hội, phù hợp với ngữ cảnh văn hoá và ngữ cảnh tình huống.

Bên cạnh ngữ cảnh thì trong mô hình SFL, còn có 03 tầng ngôn ngữ học nội tại: tầng ngữ nghĩa, tầng ngữ pháp - từ vựng, tầng âm vị. Mỗi một tầng lại được tổ chức theo thang cấp độ gồm các đơn vị khác nhau. Chẳng hạn: tầng ngữ nghĩa, có các đơn vị theo thang cấp độ từ cao xuống thấp là: ngôn bản/ diễn ngôn, đơn vị hùng biện, thông điệp, thành phần của thông điệp; tầng ngữ pháp - từ vựng gồm các đơn vị: cú, cụm từ, từ, hình vị; tầng âm vị gồm: âm tiết, âm vị, chữ viết… Đây chính là những nguồn lực tạo nghĩa (tiềm năng) để người sử dụng ngôn ngữ có thể lựa chọn nhằm đạt được mục đích xã hội. Trong số các tầng ngôn ngữ nội tại thì tầng ngữ nghĩa có thể coi là tầng quan trọng nhất vì diễn ngôn được coi là đơn vị quan trọng trong mô hình SFL. Tầng ngữ nghĩa một mặt chịu tác động, chi phối của tầng ngữ cảnh; mặt khác, nó lại tác động tới tầng ngữ pháp - từ vựng và tầng âm vị.

2.1.2. Các siêu chức năng và sự cộng hưởng của các siêu chức năng giữa các tầng ngôn ngữ trong mô hình Ngôn ngữ học chức năng hệ thống

Quan niệm ngôn ngữ là nguồn lực để tạo nghĩa, vì vậy SFL rất quan tâm đến chức năng thể hiện ý nghĩa của ngôn ngữ. Theo lí thuyết ngôn ngữ học này, ngôn ngữ có ba siêu chức năng:

Thứ nhất, siêu chức năng tư tưởng (còn gọi là siêu chức năng kinh nghiệm) phản ánh kinh nghiệm của con người về thế giới, đó là những cái "đang diễn ra" (quá trình) như sự kiện, hành động, cảm giác, ý nghĩa, tồn tại,… Theo Halliday, siêu chức năng này được thể hiện bằng hệ thống chuyển tác với sáu loại quá trình là *vật chất, tinh thần, quan hệ, phát ngôn, hiện hữu* và *hành vi* trong đó *vật chất, tinh thần, quan hệ* là ba quá trình chính. Các quá trình trên sẽ làm thành một vòng tròn nối tiếp khép kín phản ánh tính phức tạp của vạn vật và của mối quan hệ giữa thế giới vật chất và thế giới tinh thần. Mỗi một quá trình sẽ được đặc trưng bởi một cấu trúc gồm: *vị từ thể hiện quá trình, các tham thể và các chu cảnh*. Các tham thể và chu cảnh là các vai diễn, bị quá trình chi phối hoặc liên quan đến quá trình. Trong thực tế sử dụng ngôn ngữ, tuỳ theo mục đích xã hội và trường mà người nói có thể sử dụng các kiểu quá trình khác nhau.

Thứ hai, siêu chức năng liên nhân làm rõ sự tương tác, mối quan hệ của con người khi tham gia giao tiếp. Cụ thể, trong giao tiếp, người nói khi trao đổi thông tin với người khác sẽ thể hiện rõ thái độ, tình cảm, cảm xúc với người nghe và với sự việc được nói tới. Các yếu tố ảnh hưởng đến chức năng liên nhân là: vị thế người nói/viết, khoảng cách xã hội (trang trọng, thân mật…), vị thế xã hội (bình đẳng, không bình đẳng). Cấu trúc thức của câu sẽ được sử dụng để cung cấp cho người nói/ người viết những lựa chọn để biểu đạt nghĩa liên nhân. Cấu trúc thức bao gồm hai phần: phần thức và phần dư. Phần thức: diễn đạt thái độ, cách nhìn của người nói gồm tình thái ngữ và định ngữ câu [2]; Phần dư: biểu thị sự việc được nói tới trong câu. Trong thực tế sử dụng ngôn ngữ, phần thức và phần dư có vị trí linh hoạt. Việc sử dụng loại thức nào để thực hiện chức năng liên nhân cũng sẽ chịu sự tác động của mục đích xã hội và không khí.

Thứ ba, siêu chức năng văn bản cho phép người nói hoặc người nghe diễn đạt thông điệp theo cách phù hợp với tổ chức văn bản và với tình huống ngữ cảnh bên ngoài. Nó được đặc trưng bởi cấu trúc đề ngữ và thuyết ngữ. Đề là bộ phận nêu điểm xuất phát của câu nói. Thuyết là phần còn lại. Halliday phân biệt 3 loại đề: đề - đề tài (nêu sự việc có quan hệ về nghĩa kinh nghiệm với phần thuyết); đề tình thái (nêu thái độ của người nói/viết); đề văn bản (chỉ ra mối quan hệ nghĩa - logic với bộ phận trước đó).

Như vậy, mô hình SFL quan tâm đến 3 siêu chức năng: *siêu chức năng kinh nghiệm, siêu chức năng liên nhân, siêu chức năng văn bản*. Mỗi siêu chức này sẽ được đặc trưng bởi một cấu trúc nhất định, không trùng lặp với các cấu trúc khác và chúng cùng đồng thời hoạt động trong văn bản.

Không dừng ở việc nghiên cứu các siêu chức năng, Halliday trong công trình viết chung với Hassan (1993) khẳng định có sự "cộng hưởng siêu chức năng" giữa các tầng ngôn ngữ. Đó chính là mối quan hệ, sự tương tác giữa các tầng của ngôn ngữ và các siêu chức năng trong mô hình SFL. Cụ thể là, mỗi một yếu tố của ngữ cảnh tình huống (ngữ vực, ngữ cảnh tình huống) sẽ được chuyên biệt hoá về mặt siêu chức năng và chúng sẽ đòi hỏi một hệ thống ngữ nghĩa, ngữ pháp và từ vựng riêng biệt được lựa chọn để phục vụ mục đích xã hội. Cộng hưởng siêu chức năng trong mô hình SFL cho thấy, ngữ cảnh văn hoá (mục đích xã hội) và ngữ cảnh tình huống sẽ chi phối việc lựa chọn, sử dụng ngôn ngữ cả về phương diện ngữ nghĩa diễn ngôn, cả về hệ thống từ vựng, ngữ pháp. Chính vì vậy, việc thiết kế học liệu đọc hiểu cũng không thể tách rời khỏi ngữ cảnh văn hoá và ngữ cảnh tình huống.

2.1.3. Ngôn ngữ học chức năng hệ thống với vấn đề diễn ngôn đa phương thức, ngôn ngữ đánh giá và thể loại

Có thể thấy, nếu đa số các cách tiếp cận về ngữ pháp có xu hướng dừng ở ranh giới câu thì với SFL, nghiên cứu ngữ pháp được kết nối với tầng diễn ngôn, với các vấn đề của tín hiệu học xã hội (Social semiotics). Vì vậy, trong SFL, nguồn lực tạo nghĩa không chỉ là các tín hiệu ngôn ngữ mà là văn bản đa phương thức với những hệ thống tín hiệu phi ngôn ngữ: âm thanh, hình ảnh tĩnh, hình ảnh động… Vì vậy, quan tâm đến lí thuyết này, trước hết cần quan tâm tới vấn đề *diễn ngôn đa phương thức*. Diễn ngôn đa phương thức được xây dựng trên nền tảng khung lí thuyết SFL, thể hiện qua các

công trình của Kress và van Leeuwen [11], [12], [13], Painter, Martin và Unsworth [18], Unsworth [23]; Unsworth và Ngo [9],... Theo các nhà SFL, nguồn tạo nghĩa không chỉ có ngôn ngữ mà còn bao gồm các dạng tín hiệu khác như hình ảnh, âm thanh,… Sự kết hợp các loại tín hiệu đó đã tạo nên diễn ngôn đa phương thức. Dựa trên lí thuyết về 3 siêu chức năng mà Halliday đề xuất, Kress và van Leeuwen (1996, 2001, 2006) đã phát triển lí thuyết ngữ pháp hình ảnh, dùng hình ảnh để mô tả ba loại nghĩa: nghĩa kinh nghiệm, nghĩa liên nhân và nghĩa bố cục vừa độc lập vừa tương tác lẫn nhau. Theo các tác giả, có thể thiết kế hình ảnh để mô tả các quá trình, tham thể và chu cảnh trong nghĩa kinh nghiệm, để thể hiện sự tương tác (trực tiếp/gián tiếp) giữa người xem và tham thể, để thể hiện mối quan hệ xã hội (thân mật hay xa cách), thái độ liên nhân giữa người xem và tham thể trong học liệu đọc hiểu. Hình ảnh còn có thể gợi ra cấu trúc khung, đường viền, những điểm nhấn về màu sắc, kích thước, vị trí,… trong khung hình tạo nên nghĩa bố cục. Đến lượt mình, nghĩa bố cục giúp tổ chức nghĩa kinh nghiệm và nghĩa liên nhân thành một chỉnh thể.

Cũng vì quan tâm đến ngữ nghĩa diễn ngôn ngôn ngữ học chức năng quan tâm đến lí thuyết ngôn ngữ đánh giá. Đây chính là lí thuyết do Halliday đề xuất nhưng sau đó được J.R. Martin and P.R.R. White kế thừa và phát triển trong công trình *The language of evaluation - appraisal in English* (2005). Theo Martin and White, ngôn ngữ đánh giá vận hành trong siêu chức năng liên nhân, để bày tỏ quan điểm của người nói/viết về hành vi con người, về các hiện tượng, sự vật trong đời sống xã hội lẫn thế giới tự nhiên để tìm hiểu hoặc làm thay đổi quan điểm của người khác về những sự vật hiện tượng đó. Mô hình đánh giá bao gồm một hệ thống các tùy chọn để mã hóa các phạm trù *thái độ (attitude), thang độ (graduation), giọng điệu (engagement)* về mặt ngữ nghĩa giúp giải mã diễn ngôn. Chính vì vậy, mô hình đánh giá cung cấp cơ sở cho việc phân tích các ý nghĩa liên nhân được cấu tạo trong ngữ nghĩa diễn ngôn của văn bản. Sử dụng lí thuyết đánh giá để phân tích ngôn ngữ sẽ giúp cho người học, người đọc có những kiến thức cơ bản trong việc đọc hiểu và sử dụng ngôn ngữ để thể hiện cảm xúc, để phán xét, đánh giá hoặc để tạo ra những giọng điệu và thang độ khác nhau trong việc phát triển kĩ năng đọc hiểu.

Quan tâm tới ngữ nghĩa (diễn ngôn) nên *thể loại* cũng là vấn đề được SFL chú ý. Jim Martin cùng một số nhà ngôn ngữ học của Trường Đại học Sydney đã xây dựng lí thuyết về thể loại (gọi là Lí thuyết thể loại theo trường phái Sydney). Theo Jim Martin, thể loại văn bản là 'một quá trình xã hội phải trải qua các giai đoạn và hướng tới một mục đích' (*a staged goal-orientation process*) [15, tr. 25]. Nói một cách khác, thể loại văn bản được quy định bởi một mục đích xã hội, ví dụ như *giải thích, thông tin, tường thuật, giải trí, thuyết phục, đánh giá...*, và bị chi phối bởi những tình huống cụ thể. Như vậy, cách chia thể loại theo quan điểm của Trường phái Sydney (Sydney School) ([16], [17], [22]) giúp cung cấp những tiêu chí rõ ràng hơn để nhận diện thể loại văn bản.

Như vậy, SFL chính là cơ sở lí thuyết quan trọng chúng tôi sử dụng để định hướng cho việc thiết kế học liệu đọc hiểu tiếng Anh cho sinh viên các khối ngành kĩ thuật tại ĐHCNHN.

2.2. Định vị học liệu đọc hiểu theo mô hình Ngôn ngữ học chức năng hệ thống

Định vị học liệu đọc hiểu trong mô hình SFL chính là xác định xem học liệu đọc hiểu nằm ở tầng nào trong mô hình này. Muốn vậy, cần tìm hiểu về đọc hiểu và học liệu đọc hiểu.

Trên thực tế, đọc hiểu là năng lực quan trọng trong quá trình dạy học, vì vậy có nhiều quan điểm, cách lí giải khác nhau về đọc hiểu. Theo M. Bakhtin, *hiểu* trong *đọc hiểu* bao gồm nhiều hành động gắn bó với nhau: Cảm thụ (tiếp nhận) kí hiệu vật chất (màu sắc, con chữ...); Nhận ra kí hiệu quen hay lạ, hiểu ý nghĩa của nó được lặp lại trong ngôn ngữ, hiểu ý nghĩa của nó trong ngữ cảnh... Hiểu khác nhận thức và giải thích ở chỗ hiểu không một chiều mà mang tính đối thoại. Hiểu còn là sự sáng tạo, là sự bừng sáng trong khoảnh khắc [5]. Như thế, *đọc* luôn gắn liền với nhiều mức độ *hiểu* và *hiểu* không bao giờ đơn giản chỉ là hiểu nghĩa. Ở một góc nhìn khác, Nguyễn Thanh Hùng nhận định "Đọc hiểu là mức độ cao nhất của hoạt động đọc; đọc hiểu đồng thời cũng chỉ ra năng lực văn của người đọc" [4].

Trong bài viết này, chúng tôi thống nhất với cách hiểu "Đọc hiểu chính là một hoạt động tâm lí của con người tiếp nhận hệ thống các tổ chức kí hiệu biểu đạt ý nghĩa nhằm hiện thực hoá động cơ, nhu cầu chiếm lĩnh vốn tri thức của nhân loại, phát triển, hoàn thiện bản thân và tham gia vào đời sống xã hội" [5].

Theo đó học liệu đọc hiểu là những thông tin được cung cấp cho người học thông qua hệ thống kí hiệu nhất định trong hoạt động đọc hiểu nhằm một mục đích xã hội nhất định. Trước đây, hệ thống kí hiệu cung cấp thông tin trong giờ đọc hiểu thường chỉ là ngôn ngữ (ở dạng viết). Hiện nay, nhờ sự phát triển của khoa học công nghệ, ngoài ngôn ngữ, học liệu đọc hiểu còn có thể được tạo nên từ những hệ thống kí hiệu khác như: hình ảnh, số liệu, đồ thị, bảng biểu, Audio… Tuy nhiên, có thể khẳng định, do ngôn ngữ là phương tiện giao tiếp quan trọng nhất của con người nên học liệu kí hiệu ngôn ngữ (văn bản đọc) vẫn là loại học liệu quan trọng nhất trong giờ dạy đọc hiểu. Mặc dù vậy, cũng không thể phủ nhận vai trò quan trọng của các hệ thống kí hiệu khác giúp làm phong phú thêm các dạng thông tin được cung cấp cho người học, giúp người học thấy hứng thú hơn với hoạt động đọc hiểu, giúp người học phát triển tư duy sáng tạo của mình.

Nếu hiểu như trên về học liệu đọc hiểu thì có thể xác định, học liệu đọc hiểu nằm ở vị trí tầng Ngữ nghĩa trong mô hình SFL. Ở vị trí này, học liệu đọc hiểu một mặt chịu sự chi phối của các yếu tố thuộc tầng ngữ cảnh (ngữ cảnh văn hoá, ngữ cảnh tình huống), mặt khác đến lượt mình, học liệu đọc hiểu sẽ chi phối việc dùng từ, đặt câu ở tầng ngữ pháp - từ vựng và chi phối việc sử dụng ngữ điệu ở tầng âm vị.

Định vị được học liệu đọc hiểu trong mô hình SFL là cơ sở để xác định những yêu cầu trong việc thiết kế học liệu tiếng Anh theo định hướng nghề nghiệp tại ĐHCNHN theo quan điểm này.

2.3. Xác định một số yêu cầu cơ bản đối với việc thiết kế kế học liệu đọc hiểu tiếng Anh theo định hướng nghề nghiệp tại Trường Đại học Công nghiệp Hà Nội theo quan điểm của Ngôn ngữ học chức năng hệ thống

2.3.1. Xác định những yêu cầu đối với thiết kế học liệu đọc hiểu tiếng Anh theo định hướng nghề nghiệp quan tâm đến các yếu tố ở tầng ngữ cảnh (context) trong mô hình Ngôn ngữ học chức năng hệ thống

a. Xác định ngữ cảnh văn hoá (mục đích xã hội) chi phối việc thiết kế học liệu đọc hiểu tiếng Anh theo định hướng nghề nghiệp tại ĐHCNHN liên quan đến các yếu tố ở tầng ngữ cảnh

Như đã trình bày, mô hình SFL là mô hình nghiên cứu ngôn ngữ trong ngữ cảnh. Trong mô hình này, các yếu tố/đơn vị ở tầng ngôn ngữ nội tại luôn chịu sự chi phối của các yếu tố ở tầng ngữ cảnh, mà trước tiên là ngữ cảnh văn hoá (mục đích xã hội) của giao tiếp ngôn ngữ. Vì vậy, việc thiết kế học liệu đọc hiểu tiếng Anh theo định hướng nghề nghiệp tại ĐHCNHN cần quan tâm thích đáng tới ngữ cảnh văn hoá (mục đích xã hội) của hoạt động đào tạo này.

Thực tế cho thấy, để đáp ứng nhu cầu về nguồn nhân lực chất lượng cao của thị trường lao động, từ năm 2015, ĐHCNHN đã xây dựng Đề án "Ứng dụng phương pháp học kết hợp trong đào tạo tiếng Anh cho sinh viên hệ đại học, cao đẳng". Đề án hướng đến mục tiêu đổi mới, tổ chức hiệu quả việc dạy và học tiếng Anh trong các trường đại học, cao đẳng trực thuộc Bộ Công Thương theo hướng tiếp cận chuẩn ngoại ngữ đầu ra và ngành nghề đào tạo. Đề án đã thiết kế chương trình giảng dạy theo chuẩn đầu ra gồm 01 khung chương trình đào tạo và chương trình chi tiết tiếng Anh của 08 nhóm ngành nghề đào tạo: Thương mại, Điện - Điện tử, Du lịch - Khách sạn, May - Thiết kế Thời trang, Cơ khí, Công nghệ Thông tin, Công nghệ Ô tô, Hóa - Môi trường. Năm 2024, Trường Ngoại ngữ - Du lịch, ĐHCNHN lại tổ chức sự kiện ra mắt *Chương trình tiếng Anh hướng nghiệp*. Chương trình tiếng Anh hướng nghiệp này nhằm phát triển kĩ năng ngoại ngữ (chuyên ngành) cho sinh viên chuyên ngành kĩ thuật tại ĐHCNHN. Bên cạnh đó chương trình cũng giúp cung cấp thêm các kĩ năng mềm, công cụ hữu ích, các hoạt động trải nghiệm ngoại khoá như phỏng vấn tại hội chợ việc làm, thăm các công ti lớn liên quan đến lĩnh vực nghề nghiệp được đào tạo tại trường như: Thương mại, Điện - Điện tử, Du lịch - Khách sạn, May - Thiết kế Thời trang, Cơ khí, Công nghệ Thông tin, Công nghệ Ô tô, Hóa - Môi trường.

Trong quá trình thực hiện Đề án, việc dạy ngoại ngữ nói chung và tiếng Anh nói riêng tại ĐHCNHN là dạy ngoại ngữ theo định hướng nghề nghiệp. Theo đó, chuẩn đầu ra về ngoại ngữ, chuẩn đầu ra của các học phần tiếng Anh phải sát với yêu cầu của thị trường lao động đối với mỗi nhóm ngành - nghề.

Theo khung chương trình đào tạo tiếng Anh dành cho khối ngành kĩ thuật tại ĐHCNHN, người học cần đạt trình độ tiếng Anh tương đương năng lực bậc 3 theo khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc của Việt Nam. Trong chương trình học của các học phần tiếng Anh, kĩ năng đọc hiểu được đánh giá trong một chuẩn đầu ra và được mô tả cụ thể trong đề cương chi tiết của các môn học. Chẳng hạn, chuẩn đầu ra về kĩ năng đọc hiểu của học phần Tiếng Anh theo định hướng nghề nghiệp chuyên sâu (tương đương năng lực bậc 3 theo khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc của Việt Nam) của ngành May - Thiết kế Thời trang được xác định như sau:

Học phần Tiếng Anh May - Thiết kế Thời trang 1: đọc hiểu các bài đọc khoảng từ 350 đến 450 từ về các chủ đề: quy trình sản xuất trong nhà máy may; kế hoạch quảng bá sản phẩm thời trang; kế hoạch tổ chức sự kiện thời trang; tác nghiệp sản xuất - các may sản phẩm; quy cách đóng gói sản phẩm may mặc; hướng dẫn sử dụng và bảo quản quần áo; kĩ thuật đưa ra lời phàn nàn và tiếp nhận lời phàn nàn của khách hàng về sản phẩm may mặc; kĩ năng thuyết trình trong các cuộc họp và hội nghị về may và thiết kế thời trang.

Học phần Tiếng Anh May - Thiết kế Thời trang 2: đọc hiểu các bài đọc khoảng từ 350 đến 450 từ về các chủ đề: nghề nghiệp trong ngành công nghiệp thời trang; điều kiện làm việc trong nhà máy may, đề xuất cải thiện điều kiện làm việc trong nhà máy may; quy trình thực hiện cuộc họp, kĩ năng đàm phán với khách hàng trong lĩnh vực may và thiết kế thời trang; tài liệu kĩ thuật và bản nhận xét sản phẩm mẫu; báo cáo trong nhà máy may; các bước chuẩn bị trước khi phỏng vấn xin việc, kĩ thuật viết CV, thư xin việc, kĩ thuật phỏng vấn xin việc trong lĩnh vực may và thiết kế thời trang.

[*Đề cương chi tiết Học phần Tiếng Anh May - Thiết kế Thời trang 1,2 - ĐHCNHN*]

Có thể thấy, chuẩn đầu ra trên đây về kĩ năng đọc hiểu, một mặt bám sát định hướng nghề nghiệp trong tương lai của người học, mặt khác cũng bám sát yêu cầu đọc hiểu năng lực bậc 3, theo khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc của Việt Nam "Có thể đọc hiểu các văn bản chứa đựng thông tin rõ ràng về các chủ đề liên quan đến chuyên ngành và lĩnh vực yêu thích, quan tâm của mình" [Thông tư số 01/2014/TT-BGDĐT ngày 24/01/2014 của Bộ trưởng Bộ GD-ĐT về việc ban hành khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam]. Đây là ngữ cảnh văn hoá (mục đích xã hội) quan trọng định hướng cho việc thiết kế học liệu đọc hiểu tiếng Anh theo định hướng nghề nghiệp tại ĐHCNHN.

b. Xác định ngữ cảnh tình huống chi phối việc thiết kế học liệu đọc hiểu tiếng Anh theo định hướng nghề nghiệp tại ĐHCNHN liên quan đến các yếu tố ở tầng ngữ cảnh

Ngôn ngữ học chức năng phân biệt ngữ cảnh văn hoá và ngữ cảnh tình huống trong tầng ngữ cảnh, trong đó ngữ cảnh tình huống là sự cụ thể hoá ngữ cảnh văn hoá (mục đích xã hội). Cả ngữ cảnh văn hoá và ngữ cảnh tình huống đều chi phối tầng ngôn ngữ nội tại nên khi thiết kế học liệu đọc hiểu tiếng Anh theo định hướng nghề nghiệp tại ĐHCNHN cũng cần xác định rõ ngữ cảnh tình huống.

Ở mục trên cần xác định rõ, ngữ cảnh văn hoá (mục đích xã hội) của việc dạy tiếng Anh nói chung và năng lực đọc hiểu nói riêng tại ĐHCNHN là dạy theo định hướng nghề nghiệp, sát với yêu cầu của thị trường lao động đối với mỗi nhóm ngành - nghề. Ngữ cảnh văn hoá này sẽ chi phối trực tiếp tới ngữ cảnh tình huống, ở cả 3 yếu tố: *trường (field); không khí (tenor), cách thức (mode).*

Trường chính là vấn đề đề tài, chủ đề của học liệu đọc hiểu. Để phát triển năng lực đọc hiểu cho sinh viên khối ngành kĩ thuật tiếng theo định hướng nghề nghiệp, vấn đề không chỉ là yêu cầu và tạo cơ hội cho sinh viên được đọc nhiều mà còn là ở chỗ sinh viên phải được đọc những tài liệu cần thiết

cho việc tìm hiểu và phát triển ngành nghề của mình trong tương lai. Hiện nay, ĐHCNHN đã xây dựng chương trình chi tiết tiếng Anh của 08 nhóm ngành, nghề đào tạo: Thương mại, Điện - Điện tử, Du lịch - Khách sạn, May - Thiết kế Thời trang, Cơ khí, Công nghệ Thông tin, Công nghệ Ô tô, Hóa - Môi trường. Vì vậy, việc thiết kế học liệu đọc hiểu tiếng Anh cũng cần bám sát đặc thù của từng ngành để giúp cho sinh viên ngay khi còn học tập tại trường đã có những thông tin cần thiết và trải nghiệm thú vị, có ý nghĩa về ngành nghề tương lai của mình. Do đó, học liệu đọc hiểu cũng cần tập trung vào những chủ đề giúp người học có thêm kiến thức, thêm kĩ năng, vốn sống về ngành nghề tương lai của mình, thông qua đó gợi hứng thú, gợi sự sáng tạo của người học liên quan đến ngành nghề, qua đó hình thành và phát triển những năng lực và phẩm chất cần thiết cho người làm nghề trong tương lai. Chẳng hạn, khi thiết kế học liệu đọc liệu cho Học phần *Tiếng Anh May - Thiết kế Thời trang 1* cần quan tâm tới các chủ đề: quy trình sản xuất trong nhà máy may; kế hoạch quảng bá sản phẩm thời trang; kế hoạch tổ chức sự kiện thời trang; tác nghiệp sản xuất - các may sản phẩm; quy cách đóng gói sản phẩm may mặc; hướng dẫn sử dụng và bảo quản quần áo…; khi thiết kế học liệu đọc hiểu cho Học phần *Tiếng Anh Cơ khí 2* cần chú ý đến các chủ đề: hướng dẫn sử dụng máy công cụ; đánh giá sản phẩm cơ khí; năng lượng thay thế và môi trường; công nghệ thông minh và nhà thông minh…

Đây chính là một trong những yêu cầu quan trọng trong việc lựa chọn và xây dựng ngữ liệu cho phần đọc hiểu tiếng Anh theo định hướng nghề nghiệp cho sinh viên khối ngành kĩ thuật tại ĐHCNHN.

Cách thức quan tâm tới các vấn đề về kênh giao tiếp, cách thức giao tiếp và môi trường giao tiếp. Theo quan sát của chúng tôi, việc tiếng Anh theo định hướng nghề nghiệp cho sinh viên khối ngành kĩ thuật tại ĐHCNHN được dạy theo hình thức kết hợp. Theo hình thức dạy học này, ở mỗi học phần, người học sẽ được học kiến thức từ vựng, ngữ pháp và luyện tập các kĩ năng: nghe, đọc, viết trực tuyến trên hệ thống đại học điện tử, còn học kĩ năng nói trực tiếp trên lớp. Theo đó, học liệu cho mỗi học phần bao gồm học liệu trực tuyến và học liệu trực tiếp. Học liệu trực tuyến bao gồm 5 phần nội dung liên quan đến chủ đề bài học cụ thể như sau: (1) Phần từ vựng: giới thiệu từ vựng (từ - phiên âm - nghĩa - âm thanh - hình ảnh minh hoạ - ví dụ) và 6 bài tập luyện tập từ vựng; (2) Phần ngữ pháp: giải thích hiện tượng ngữ pháp và 06 bài luyện tập ngữ pháp; (3) Phần luyện tập kĩ năng nghe: 06 bài luyện tập kĩ năng nghe (06 file nghe và bài luyện tập); (4) Phần luyện tập kĩ năng đọc: 6 bài luyện tập kĩ năng đọc (06 văn bản đọc và bài luyện tập); (5) Phần luyện tập kĩ năng viết: 6 bài luyện tập kĩ năng viết (từ cấp độ luyện viết câu đến viết đoạn văn/ thư). Học liệu trực tiếp bao gồm sách dành cho sinh viên và giáo viên, tài liệu sinh viên thiết kế các hoạt động luyện tập nói về các chủ đề liên quan đến bài học; tài liệu giáo viên là học liệu hướng dẫn triển khai các hoạt động trên lớp để đạt được mục tiêu bài học.

Như vậy, học liệu đọc hiểu được thiết kế cho sinh viên khối ngành kĩ thuật tại ĐHCNHN là học liệu được thiết kế để sinh viên tự học trực tuyến. Vì vậy, việc thiết kế học liệu đọc hiểu sao cho vừa bám sát mục tiêu, chuẩn đầu ra của học phần, đảm bảo phát triển được năng lực đọc hiểu lại vừa có sự hấp dẫn, kích thích sự sáng tạo của người học trong bối cảnh học trực tuyến là một thách thức. Đồng thời, học liệu đọc hiểu phải đảm bảo có sự liên kết với các kĩ năng còn lại (viết, nghe, nói) và chủ đề của bài học.

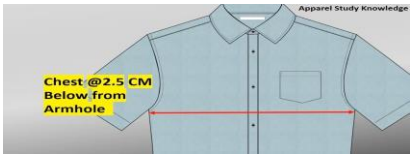
Không khí (tenor) chính là vấn đề liên quan đến người tham gia giao tiếp. Như đã trình bày, bài viết này bàn đến việc thiết kế học liệu đọc hiểu tiếng Anh theo định hướng nghề nghiệp cho sinh viên năm thứ 3, khi mà sinh viên đã được trang bị những kiến thức cơ bản về ngữ âm, từ vựng, ngữ pháp tiếng Anh và cũng đã được rèn luyện kĩ năng đọc, viết, nói, nghe tiếng Anh ở năm thứ nhất và năm thứ hai. Vì vậy, học liệu đọc hiểu được thiết kế cần phù hợp với đối tượng người học, giúp sinh viên có được những thông tin cần thiết và hữu ích về ngành nghề tương lai như: Thương mại, Điện - Điện tử, Du lịch - Khách sạn, May - Thiết kế Thời trang, Cơ khí, Công nghệ Thông tin, Công nghệ Ô tô, Hóa - Môi trường để kích thích hứng thú, sự sáng tạo của người học.

2.3.2. Xác định những yêu cầu đối với thiết kế học liệu đọc hiểu tiếng Anh theo định hướng nghề nghiệp quan tâm đến các yếu tố ở tầng ngữ nghĩa (semantics) trong mô hình Ngôn ngữ học chức năng hệ thống

Như đã trình bày, tầng ngữ nghĩa trong mô hình SFL có liên quan tới các diễn ngôn. Theo đó, khi thiết kế học liệu đọc hiểu tiếng Anh theo định hướng nghề nghiệp cho sinh viên khối ngành kĩ thuật tại ĐHCNHN, ở tầng ngữ nghĩa, cần quan tâm tới các vấn đề về thể loại và diễn ngôn đa phương thức.

Kết quả khảo sát phân tích nhu cầu tiếng Anh của sinh viên khối ngành kĩ thuật tại ĐHCNHN về kĩ năng đọc hiểu cho thấy các kĩ năng đọc hiểu thường được sử dụng vào các mục đích cụ thể như: Đọc mô tả thông số kĩ thuật về sản phẩm, mô tả về các dịch vụ; Đọc các tài liệu hướng dẫn sử dụng, các chỉ dẫn, hướng dẫn sử dụng an toàn, cảnh báo...; Đọc lịch trình công việc, nội dung chương trình, lộ trình, quy trình hoạt động; Đọc các báo cáo (Ví dụ: báo cáo kĩ thuật, sản lượng, sự cố...); Đọc thư từ có nội dung chuyên ngành/học thuật... Vì vậy, khi thiết kế học liệu đọc hiểu tiếng Anh cho sinh viên khối ngành này cũng cần lựa chọn những thể loại phù hợp như "giải thích", "thông tin", "tường thuật",…

Học liệu đọc hiểu tiếng Anh cho sinh viên khối ngành kĩ thuật tại ĐHCNHN sẽ được thiết kế để sinh viên học dưới dạng online gắn với những chủ đề liên quan đến 08 ngành nghề kĩ thuật được đào tạo trong trường: Thương mại, Điện - Điện tử, Du lịch - Khách sạn, May - Thiết kế Thời trang, Cơ khí, Công nghệ Thông tin, Công nghệ Ô tô, Hóa - Môi trường. Do vậy, học liệu đọc hiểu tiếng Anh sẽ được thể hiện dưới dạng diễn ngôn đa phương thức với sự kết hợp của các dạng kí hiệu khác nhau như ngôn ngữ, hình ảnh, âm thanh… để tạo sự hấp dẫn, khơi gợi sự sáng tạo ở người học. Trong các dạng kí hiệu, ngôn ngữ vẫn được xác định là kí hiệu quan trọng nhất. Bên cạnh ngôn ngữ, các kí hiệu khác như hình ảnh, âm thanh (được thiết kế dưới dạng audio, video) sẽ giúp chuyển tải một phần nội dung bài học. Các kí hiệu phi ngôn ngữ này sẽ được cài đặt vào những vị trí phù hợp trong học liệu đọc hiểu. Chẳng hạn, ở *Tiếng Anh May - Thiết kế Thời trang 1,* trước khi thực hiện hoạt động đọc hiểu về chủ đề hướng dẫn đo trang phục áo sơ mi, có thể thiết kế cho sinh viên được xem video hướng dẫn các chi tiết trên loại trang phục này bao gồm các chi tiết như: (rộng) cổ, (cao) chân cổ, (rộng) lá cổ, (dài) vai, (dài) tay áo, (rộng) ngực, (dài) áo, (rộng) măng-séc.... Video minh hoạ giúp sinh viên tưởng tượng ra các thao tác và các điểm để thực hiện phép đo trên trang phục, từ đó họ có thể hiểu được văn bản hướng dẫn bằng chữ viết (kết hợp với hình ảnh) xuất hiện trong hoạt động đọc hiểu tiếp theo.



Ví dụ hình ảnh giới thiệu chi tiết (rộng) ngực được chúng tôi cắt ra từ video. Sau khi hình dung ra chi tiết *(rộng) ngực,* sinh viên sẽ được hướng dẫn cách đo rộng ngực (kèm hình ảnh) của áo sơ mi bằng ngôn ngữ và hình ảnh:

Kí hiệu hình ảnh	Kí hiệu ngôn ngữ
	*Button up the shirt and lay it flat on the ground (preferably a hard surface) and smooth the fabric out so that there are no wrinkles underneath or on top. Pull the fabric tight, but don't stretch it. Place the measuring tape at the top of the seam where the sleeve attaches to the body of the shirt and measure across to the same point on the other side of the shirt. Don't worry if you measure beyond the side seam on the shirt, just measure the shirt flat across. The correct measurement in the example photos is 23.*

Hai hình ảnh được sử dụng ở trên cho thấy những hình ảnh này không thuần tuý chỉ có tính chất minh hoạ mà chúng còn chứa đựng một số thông tin liên quan đến nội dung bài học. Dùng lí thuyết của Kress và van Leeuwen soi vào, có thể thấy hai hình ảnh được sử dụng để mô tả quá trình (đo), tham thể

(áo) trong nghĩa kinh nghiệm, thể hiện sự giao tiếp (quan sát) giữa người xem và tham thể [11], [12], [13]. Nghĩa bố cục của hình ảnh với những điểm nhấn: màu sắc, kích thước, vị trí của các yếu tố trong khung hình giúp người xem hiểu hơn về nghĩa kinh nghiệm và nghĩa liên nhân cần chuyển tải tới người học.

Việc sử dụng văn bản đọc đa phương thức bao gồm video, hình ảnh và ngôn ngữ… giúp người học được tiếp cận với chủ đề bài đọc, nội dung bài học một cách hứng thú hơn và hiệu quả hơn. Thông qua đó góp phần nâng cao năng lực đọc hiểu ở người học đồng thời khơi gợi sự sáng tạo ở người học thông qua hoạt động đọc hiểu.

2.3.3. Xác định những yêu cầu đối với thiết kế học liệu đọc hiểu tiếng Anh theo định hướng nghề nghiệp quan tâm đến các yếu tố ở hai tầng ngôn ngữ (lexicogrammar: từ vựng - ngữ pháp, phonology: âm vị học) trong mô hình Ngôn ngữ học chức năng hệ thống

Ngoài việc chú ý đến các yếu tố ở tầng ngữ cảnh (ngữ cảnh văn hoá, ngữ cảnh tình huống), ngữ nghĩa (thể loại và diễn ngôn đa phương thức), khi thiết kế học liệu đọc hiểu tiếng Anh chuyên ngành cho sinh viên khối ngành kĩ thuật tại ĐHCNHN cần chú ý tới các yếu tố ở hai tầng ngôn ngữ từ vựng - ngữ pháp, âm vị học. Nhưng cần lưu ý là dưới góc nhìn của SFL, các yếu tố hai tầng ngôn ngữ này phải được sử dụng phù hợp với các yếu tố ở tầng ngữ cảnh và tầng diễn ngôn. Cụ thể là người thiết kế phải sử dụng hệ thống từ ngữ phù hợp với chủ đề liên quan đến 8 ngành nghề kĩ thuật được đào tạo tại ĐHCNHN: Thương mại, Điện - Điện tử, Du lịch - Khách sạn, May - Thiết kế Thời trang, Cơ khí, Công nghệ Thông tin, Công nghệ Ô tô, Hóa - Môi trường. Các từ ngữ này còn phải phù hợp với những thể loại văn bản như "giải thích", "thông tin", "tường thuật", phù hợp với những từ ngữ được quy định dùng ở bậc 3 theo khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc của Việt Nam. Tương tự như vậy, việc sử dụng câu (số lượng, kiểu câu, độ dài của câu…) trong học liệu đọc hiểu cũng cần phù hợp với thể loại văn bản, phù hợp với những quy định bậc 3 về câu theo khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc của Việt Nam.

Bên cạnh đó, từ góc nhìn của Ngôn ngữ đánh giá, từ ngữ và câu trong học liệu đọc hiểu cũng sẽ là những nguồn lực đánh giá về *thái độ, thang độ, giọng điệu*. Do đó, khi thiết kế học liệu đọc hiểu tiếng Anh chuyên ngành cho sinh viên khối ngành kĩ thuật tại ĐHCNHN cần chú ý sử dụng một cách hiệu quả các nguồn lực đánh giá này.

Cuối cùng, những vấn đề liên quan đến âm vị học/ ngữ âm học cũng cần được quan tâm trong việc thiết kế học liệu. Đó chính là việc sử dụng hợp lí các dấu câu (dấu chấm, dấu phẩy, dấu chấm than, dấu ba chấm…) trong các văn bản đọc hiểu để đảm bảo giúp sinh viên hiểu đúng nội dung được diễn đạt.

3. Kết luận

Chương trình tiếng Anh được xây dựng cho sinh viên khối ngành kĩ thuật tại ĐHCNHN theo định hướng nghề nghiệp và theo hình thức dạy học kết hợp. Theo đó, hoạt động dạy học đọc hiểu trong chương trình sẽ là hoạt động được thiết kế dưới dạng trực tuyến giúp trang bị cho sinh viên những thông tin hữu ích, cập nhật về ngành nghề trong tương lai. Trong bài viết này, chúng tôi đã dựa vào những lí thuyết cơ bản nhất của SFL để định vị học liệu đọc hiểu và xác định một số yêu cầu cơ bản đối với việc thiết kế học liệu đọc hiểu tiếng Anh theo định hướng nghề nghiệp ở hai học phần tiếng Anh có định hướng nghề nghiệp chuyên sâu ở năm thứ ba cho sinh viên khối ngành kĩ thuật tại ĐHCNHN. Những yêu cầu được xác định bám sát các yếu tố của các tầng ngôn ngữ trong SFL: tầng ngữ cảnh, tầng ngữ nghĩa, tầng từ vựng - ngữ pháp, tầng âm vị học. Chúng tôi hi vọng kết quả của bài viết sẽ góp thêm một minh chứng để khẳng định tính "khả dụng" của SFL, đồng thời gợi mở thêm một hướng vận dụng SFL vào thiết kế học liệu, giúp nâng cao chất lượng dạy học ngôn ngữ nói chung và ngoại ngữ nói riêng.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

Tiếng Việt

1. *Đề cương chi tiết học phần Tiếng Anh May - Thiết kế Thời trang 1, 2*, Trường Đại học Công nghiệp Hà Nội.
2. Nguyễn Văn Hiệp, *Cú pháp tiếng Việt*, NXB Giáo dục Việt Nam, 2009.
3. https://moit.gov.vn/tin-tuc/quoc-te/dai-hoc-cong-nghiep-ha-noi-chuyen-giao-chuong-trinh-dao-tao-.html
4. Bùi Mạnh Hùng, *Ngôn ngữ học chức năng hệ thống: Vận dụng vào việc biên soạn sách giáo khoa Ngữ văn tại Việt Nam (Tiếng Anh)*, Sách chuyên đề *Việt Nam học ở Việt Nam và Đức: Ngôn ngữ học Việt Nam - những đóng góp mới*, Thomas Engelbert (chủ biên), Đại học Hamburg (Đức), 2019.
5. Nguyễn Thanh Hùng, *Kĩ năng đọc hiểu Văn,* NXB Đại học Sư phạm, 34-35, 2014.
6. Phạm Thị Thu Hương, *Đọc hiểu và chiến thuật đọc hiểu văn bản trong nhà trường phổ thông*, NXB Đại học Sư phạm,132, 2016.
7. Thông tư số 01/2014/TT-BGDĐT ngày 24/01/2014 của Bộ trưởng Bộ GD-ĐT về việc ban hành khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam.
8. Hoàng Văn Vân, *Ngữ pháp kinh nghiệm của cú tiếng Việt mô tả theo quan điểm chức năng hệ thống*, NXB KHXH, 2022.

Tiếng Anh

9. Unsworth & Ngo 2014, *Vai trò của hình ảnh trong sách giáo khoa dạy tiếng Anh ở Việt Nam*, Tạp chí Ngôn ngữ và Đời sống, số 11/2014.
10. Halliday, M A K, *An Introduction to Functional Grammar*, Edward Arnold, London, 1985. [revised 2nd edition 1994; revised 3rd edition, with C M I M Matthiessen 2004; revised 4th edition, by C M I M Matthiessen 2014].
11. Kress, G. & van Leeuwen, T.. *Reading Images: The Grammar of Visual Design*, Routledge., London, 1996.
12. Kress, G., & van Leeuwen, T. *Multimodal Discourse: The Modes and Media of Contemporary Communication*, Edward Arnold, London,2001.
13. Kress, G., & van Leeuwen, T., *Reading Images*, Routledge, London, 2006.
14. Martin, J R & P R R White, *The Language of Evaluation: appraisal in English*, Palgrave, London, 2005.
15. Martin, J. R., *Language, register and genre*, In F. Christies (Ed.), *Children writing: Reader*, Deakin University Press, Geelong, 1984.
16. Martin, J. & Rose, D., *Genres and Texts: Living in the Real World*, In: Indonesian Journal of Systemic Functional Linguistics, Vol 1, no. 1, 2012, pp. 1 - 21.
17. Martin, J. & Rose, D., *Designing Literacy Pedagogy: Scaffolding Democracy in the Classroom*, In: Hasan, R., Matthiessen, C. M. I. M. and Webster, J. J. (eds), *Continuum Discourse on Language: A Functional Perspective* (Vol. 1), Continuum, 2005.
18. Martin, J. & Rose, D., *Genre Relations: Mapping Culture*, London & Oakville: Equinox., 2008.
19. Martin, J R., *Evolving systemic functional linguistics: beyond the clause*, Functional Lingguistics 1, Article number: 3. 2014.
20. Martin, J R., *Meaning matters: a short history of systemic functional linguistics*, Word, Volume 62, 2016.
21. Painter, C, J R Martin & L Unsworth, *Reading Visual Narratives: image analysis in children's picture books.* Equinox, London, 2013.
22. Rose, D. & Martin, J., *Learning to Write, Reading to Learning: Genre, Knowledge and Pedagogy in the Sydney School*, Sheffield, UK: Equinox, 2012.
23. White P.P.R., *Dialogistic positioning and interpersonal style- A framework for stylistic comparision*, In: *Pragmatic markers in contrast*, eds by Karin Aijmer; A M Simon-Vandenbergen, Publisher Elsevier, 2006.
24. Unsworth L., *Towards a metalanguage for multiliteracies education: Describing the meaning-making resources of language-image interaction*, in English Teaching: Practice and Critique, May 2006, Volume 5, N.1., 2006.